

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện nhiệm vụ giao và tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết Luật, Nghị quyết của Quốc hội thuộc thẩm quyền của Chính phủ tháng 01 năm 2025

(Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01/2025)

Kính gửi:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ.

Văn phòng Chính phủ xin báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương, trong đó có kết quả thực hiện nhiệm vụ, công việc trọng tâm trong tháng 01/2025 và tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết Luật, Nghị quyết của Quốc hội thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tháng 01/2025, như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAO VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

##### 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giao

a) Qua tổng hợp báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương, kết hợp rà soát, theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ giao của các bộ, cơ quan, địa phương và số liệu trên Hệ thống phần mềm theo dõi của Văn phòng Chính phủ: Trong tháng 01/2025, có 832 nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng giao các bộ, cơ quan, địa phương. Lũy kế từ 01/01/2024 đến 31/01/2025, có tổng số 21.230 nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng giao. Trong đó, đã hoàn thành: 14.246 nhiệm vụ, chiếm 67,1%; 6.676 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn, chiếm 31,45%; 308 nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành, chiếm 1,45% - giảm 0,55% so với cùng kỳ năm trước (Phụ lục I kèm theo).

b) Tại các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ năm 2024 và Nghị quyết Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương tháng 12/2024<sup>1</sup> có 765 nhiệm vụ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Đến nay, đã hoàn thành 693 nhiệm vụ, chiếm 90,6%; còn 72 nhiệm vụ trong hạn, chiếm 9,4% đang được các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện. Văn phòng Chính phủ tiếp tục chủ động đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương thực hiện.



c) Về nhiệm vụ trọng tâm: Trong tháng 01/2025, có 131 nhiệm vụ trọng tâm giao phải hoàn thành trong tháng. Đến nay, có 84 nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ; còn 47 nhiệm vụ (chiếm 35,9%) cần tập trung đôn đốc và khẩn trương hoàn thành<sup>2</sup> (Chi tiết tại Phụ lục IP<sup>3</sup>).

## 2. Kết quả thực hiện Chương trình công tác

Trong tháng 01/2025, các bộ, cơ quan, địa phương phải trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 69 đề án. Đến nay, đã trình 43 đề án, còn 26 đề án quá hạn chưa trình<sup>4</sup>, chiếm 37,7% - giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước (tháng 01/2024, có 24/54 đề án chưa trình, chiếm 44,4%). Văn phòng Chính phủ tiếp tục đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương trình các đề án, bảo đảm chất lượng, tiến độ, khắc phục tình trạng phát sinh nợ đọng mới.

## 3. Một số nhiệm vụ trọng tâm giao trong tháng 01 chưa hoàn thành

- *Bộ Kế hoạch và Đầu tư* quá hạn báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ: (1) Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025; (2) Hồ sơ điều chỉnh Đề xuất dự án “Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản.

- *Bộ Tài chính* chưa báo cáo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: (1) Báo cáo dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030; (2) Dự thảo Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035.

- *Bộ Công Thương* quá hạn báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả làm việc với Nhà đầu tư Dự án BOT Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2.

- *Bộ Giao thông vận tải* chưa trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 1313/NQ-UBTVQH15 ngày 25/9/2024 của UBTVQH giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023.

- *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* chậm trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị định chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

- *Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội* chưa báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ giải pháp cụ thể để giải quyết dứt điểm việc công nhận liệt sĩ cho 05 trường hợp thương binh nặng từ trần (theo đề nghị của Trung tâm Điều dưỡng thương binh Thuận Thành) và các trường hợp tương tự trên cả nước.

- *Thanh tra Chính phủ* chậm báo cáo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- *Bộ Tư pháp* đã quá hạn trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.



#### 4. Đánh giá chung

Các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục có các giải pháp hiệu quả, tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ giao và xây dựng các đề án được giao trong chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tháng 01/2025; kết quả thực hiện nhiệm vụ giao và chương trình công tác tiếp tục có chuyển biến tích cực hơn so với cùng kỳ năm trước (*số nhiệm vụ quá hạn giảm 0,55%, số đề án nợ đọng giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước*); tình hình thực hiện nhiệm vụ giao và chương trình công tác được theo dõi, rà soát thường xuyên để đôn đốc kịp thời. Tuy nhiên, kết quả thực hiện nhiệm vụ giao không ổn định, số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành giảm so với cùng kỳ năm trước nhưng tăng 0,45% so với tháng trước, đặc biệt, có nhiệm vụ giao được theo dõi, đôn đốc kịp thời nhưng vẫn để quá hạn, có nhiệm vụ quá hạn nhiều tháng và đã được gia hạn nhưng vẫn chậm nợ<sup>5</sup>; nhiệm vụ trọng tâm giao có thời hạn hoàn thành trong tháng nhưng chưa hoàn thành còn nhiều (47/131 nhiệm vụ, chiếm 35,9%)

### II. VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA CHÍNH PHỦ

Các bộ, cơ quan, địa phương cơ bản thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Chính phủ; các công việc được giải quyết đúng thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; việc tham dự các cuộc họp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được tuân thủ theo quy định; công tác phối hợp giữa các bộ, cơ quan trong xử lý công việc đảm bảo chặt chẽ, kịp thời; công tác báo cáo định kỳ hằng tháng của các bộ, cơ quan được duy trì thường xuyên, bảo đảm thông tin kịp thời, điển hình là các bộ, cơ quan, địa phương: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bắc Giang...

Tuy nhiên, trong tháng 01/2025, còn **39** bộ, cơ quan, địa phương chưa thực hiện đúng Quy chế làm việc, như chậm báo cáo, chậm trình hồ sơ, chậm trả lời khi được lấy ý kiến<sup>6</sup>, đặc biệt, có trường hợp chậm báo cáo kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ nhiều tháng, phải đôn đốc nhiều lần<sup>7</sup>; **20** bộ, cơ quan, địa phương trình hồ sơ chưa bảo đảm đầy đủ theo quy định, còn thiếu ý kiến tham gia của bộ, cơ quan liên quan<sup>8</sup>. Ngoài ra, còn nhiều trường hợp của **13** bộ, cơ quan, địa phương chưa hoàn chỉnh về hồ sơ, kỹ thuật soạn thảo văn bản (thiếu ký tắt, không đúng thể thức văn bản...)<sup>9</sup>.

### III. TÌNH HÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, trong thời gian qua các bộ, cơ quan đã nỗ lực, chủ động, tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết. Nhiều văn bản quy định chi tiết được kịp thời ban hành, bảo đảm có hiệu lực đồng thời với hiệu lực của các Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội. Tuy nhiên, do một số văn bản giao có thời hạn hoàn thành gấp, có nội dung phức tạp, đối tượng và phạm vi điều chỉnh rộng, cần lấy ý kiến nhiều bộ,



cơ quan liên quan hoặc phải xin ý kiến của các cấp có thẩm quyền trước khi ban hành nên còn chậm trễ, chậm được ban hành theo đúng tiến độ.

### **1. Về văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực từ 01/02/2025 trở về trước**

Đến nay, còn 48 văn bản (*giảm 01 văn bản so với tháng trước<sup>10</sup>*), thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết các luật, nghị quyết của Quốc hội đã có hiệu lực từ 01/02/2025 trở về trước nhưng chưa được ban hành, do các bộ, cơ quan chủ trì xây dựng, trình: Tài chính: 14; Công Thương: 10; Quốc phòng: 09; Kế hoạch và Đầu tư: 07; Thông tin và Truyền thông: 04; Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 01; Giáo dục và Đào tạo: 01; Y tế: 01; Ngân hàng nhà nước: 01 (*Chi tiết tại Phụ lục III*)<sup>11</sup>

### **2. Về văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực từ 01/4/2025 và trong thời gian tới**

Có 54 văn bản quy định chi tiết các luật, có hiệu lực thi hành từ 01/4/2025 và trong thời gian tới đang được các bộ, cơ quan khẩn trương xây dựng,

trình ban hành, gồm: Quốc phòng: 10; Lao động - Thương binh và Xã hội: 09; Tài chính: 08; Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 07; Công an: 06; Xây dựng: 04; Tài nguyên và Môi trường: 03; Y tế: 02; Nội vụ: 02; Kế hoạch và Đầu tư: 01; Tư pháp: 01; Khoa học và Công nghệ: 01 (*Chi tiết tại Phụ lục IV*).

## **IV. KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ tháng 01/2025, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc sau:

**1. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện nhiệm vụ giao và thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tập trung chỉ đạo và có giải pháp hiệu quả, kịp thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, đề án Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tháng 01/2025 đã quá hạn; khẩn trương báo cáo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định, không để nợ đọng kéo dài.**

**2. Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ động, quyết liệt hơn nữa và trực tiếp chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 48 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết của Quốc hội đã có hiệu lực; khẩn trương tiếp thu, hoàn thiện các văn bản đã được Lãnh đạo Chính phủ, các thành viên Chính phủ cho ý kiến để trình Lãnh đạo Chính phủ ký ban hành; trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ biện pháp xử lý. Đồng thời, chủ động nghiên cứu, xử lý khoảng trống pháp lý trong thời gian chưa kịp ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết.**

**3. Thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Chính phủ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao trách nhiệm hơn nữa trong công tác phối hợp, khi được**



lấy ý kiến phải trả lời đúng thời hạn, rõ quan điểm, rõ chính kiến. Đối với những đề án trình Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải nêu rõ phương án xử lý. Tham dự các phiên họp, cuộc họp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng thành phần, đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.

Văn phòng Chính phủ trân trọng báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các thành viên Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc T.Ư;
- VPCP: Các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, TH (3b).L 70

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**



*Trần Văn Sơn*

**Trần Văn Sơn**



<sup>1</sup> Các Nghị quyết số: 20/NQ-CP ngày 05/02/2024, 28/NQ-CP ngày 05/3/2024, 44/NQ-CP ngày 05/4/2024, 65/NQ-CP ngày 07/5/2024, 82/NQ-CP ngày 05/6/2024, 108/NQ-CP ngày 10/7/2024, 122/NQ-CP ngày 08/8/2024, 128/NQ-CP ngày 08/9/2024, 188/NQ-CP ngày 11/10/2024, 218/NQ-CP ngày 12/11/2024, 233/NQ-CP ngày 10/12/2024, 09/NQ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ.

<sup>2</sup> 47 nhiệm vụ giao trong tháng 01/2024 quá hạn chưa hoàn thành thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan, địa phương: Ngoại giao: 07; Kế hoạch và Đầu tư: 07; Công Thương: 06; Tài chính: 04; Giao thông vận tải: 04; Lao động-TBXH: 03; Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 02; Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 02; Nông nghiệp và PTNT: 02; Thanh tra Chính phủ: 02; Công an: 01; Tư pháp: 01; TP Hồ Chí Minh: 01; Đà Nẵng: 01; Bắc Ninh: 01; Long An: 01; Khánh Hòa: 01; Tiền Giang: 01.

<sup>3</sup> Không nêu chi tiết 20 nhiệm vụ mật giao các Bộ: Ngoại giao 07; Công Thương: 04; Lao động-Thương binh và Xã hội: 02; Công an: 01; Giao thông vận tải: 01; Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 01; Hồ Chí Minh: 01; Đà Nẵng: 01; Khánh Hòa: 01; Long An: 01).

<sup>4</sup> 26 đề án chưa trình do các các bộ, cơ quan, địa phương chủ trì xây dựng, trình: Giao thông vận tải: 05; Công Thương: 04; Lao động - Thương binh và Xã hội: 03; Công an: 03; Tài chính: 02; Quốc phòng: 01; Tư pháp: 01; Kế hoạch và Đầu tư: 01; Giáo dục và Đào tạo: 01; Nội vụ: 01; Nông nghiệp và PTNT: 01; Thông tin và Truyền thông: 01; Y tế: 01; Đài TNVN: 01.

<sup>5</sup> (1) Bộ LĐTBXH chậm hoàn thành nhiệm vụ: Đề xuất, kiến nghị Thủ tướng CP giải pháp cụ thể để giải quyết dứt điểm việc công nhận liệt sĩ cho 05 trường hợp thương binh nặng tử trần (theo đề nghị của Trung tâm Điều dưỡng thương binh Thuận Thành): VPCP đã đơn đốc tại VB số 176/PB-VPCP ngày 17/01/2025; (2) Bộ NNPTNT quá hạn trình dự thảo Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại (thời hạn trình tháng 8/2024), VPCP đã đơn đốc tại VB số: 9715/VPCP-NN ngày 31/12/2024 và được gia hạn trình trước 10/01/2025 đến nay chưa trình; (3) Bộ Tài chính chậm gửi hồ sơ dự thảo Nghị định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước (thời hạn trước ngày 30/12/2024): VPCP đã có 02 lần đơn đốc tại các văn bản số: 146/PB-VPCP ngày 14/01/2025, 643/VPCP-KTTH ngày 24/01/2025...

<sup>6</sup> 39 bộ, cơ quan, địa phương: (1) Kế hoạch và Đầu tư: 20 văn bản (các VB số: 3/VPCP-TH ngày 01/01/2025, 61/VPCP-ĐMDN ngày 03/01/2025, 52/PB-VPCP ngày 06/01/2025, 63/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 84/PB-VPCP, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 105/PB-VPCP, 115/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 120/PB-VPCP ngày 10/01/2025, 132/PB-VPCP ngày 13/01/2025, 136/PB-VPCP, 141/PB-VPCP, 149/PB-VPCP, 367/VPCP-QHQT ngày 14/01/2025, 167/PB-VPCP, 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025, 187/PB-VPCP, 189/PB-VPCP ngày 20/01/2025, 210/PB-VPCP ngày 21/01/2025, 681/VPCP-ĐMDN ngày 24/01/2025); (2) Tài chính: 12 văn bản (các VB số: 61/VPCP-ĐMDN ngày 03/01/2025, 153/VPCP-KTTH, 163/VPCP-ĐMDN ngày 07/01/2025, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 143/PB-VPCP, 146/PB-VPCP ngày 14/01/2025, 7/TCTCCTTHC ngày 15/01/2025, 461/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025, 189/PB-VPCP ngày 20/01/2025, 210/PB-VPCP ngày 21/01/2025, 643/VPCP-KTTH, 644/VPCP-KTTH ngày 24/01/2025); (3) Giao thông vận tải: 11 văn bản (các VB số: 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 84/PB-VPCP, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 105/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 138/PB-VPCP, 143/PB-VPCP ngày 14/01/2025, 7/TCTCCTTHC ngày 15/01/2025, 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025, 210/PB-VPCP ngày 21/01/2025, 249/PB-VPCP ngày 22/01/2025, 250/PB-VPCP ngày 23/01/2025); (4) Công Thương: 08 văn bản (các VB số: 32/PB-VPCP, 68/VPCP-CN ngày 03/01/2025, 84/PB-VPCP, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 105/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025, 178/PB-VPCP ngày 17/01/2025, 268/PB-VPCP ngày 27/01/2025); (5) Tài nguyên và Môi trường: 07 văn bản (các VB số: 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 183/VPCP-V.I, 184/VPCP-V.I ngày 07/01/2025, 84/PB-VPCP, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 141/PB-VPCP ngày 14/01/2025, 526/VPCP-V.I ngày 20/01/2025); (6) Tư pháp: 07 văn bản (các VB số: 5/VPCP-TH ngày 01/01/2025, 82/PB-VPCP, 84/PB-VPCP, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025, 189/PB-VPCP ngày 20/01/2025, 210/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (7) Ngoại giao: 07 văn bản (các VB số: 4/VPCP-TH ngày 01/01/2025, 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 7/TCTCCTTHC, 160/PB-VPCP ngày



15/01/2025, 182/PB-VPCP ngày 17/01/2025, 189/PB-VPCP ngày 20/01/2025, 224/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (8) **Công an: 06 văn bản** (các VB số: 2/VPCP-TH ngày 01/01/2025, 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 57/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 81/PB-VPCP, 84/PB-VPCP, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025); (9) **Lao động - Thương binh và Xã hội: 06 văn bản** (các VB số: 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 80/PB-VPCP, 84/PB-VPCP, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 105/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 176/PB-VPCP ngày 17/01/2025); (10) **Thông tin và Truyền thông: 06 văn bản** (các VB số: 6/VPCP-TH ngày 01/01/2025, 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 76/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 83/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 7/TCTCCTTHC, 158/PB-VPCP ngày 15/01/2025); (11) **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 05 văn bản** (các VB số: 33/PB-VPCP ngày 03/01/2025, 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 391/VPCP-KTTH ngày 14/01/2025, 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025); (12) **Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04 văn bản** (các VB số: 84/PB-VPCP, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 105/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025); (13) **Xây dựng: 04 văn bản** (các VB số: 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 87/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 141/PB-VPCP ngày 14/01/2025, 210/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (14) **Giáo dục và Đào tạo: 03 văn bản** (các VB số: 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 119/PB-VPCP ngày 10/01/2025); (15) **Khoa học và Công nghệ: 03 văn bản** (các VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 105/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 7/TCTCCTTHC ngày 15/01/2025); (16) **Y tế: 02 văn bản** (các VB số: 53/PB-VPCP ngày 06/01/2025, 7/TCTCCTTHC ngày 15/01/2025); (17) **Nội vụ: 01 văn bản** (VB số: 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025); (18) **Thanh tra Chính phủ: 01 văn bản** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025); (19) **Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 05 văn bản** (các VB số: 28/VPCP-ĐMDN ngày 02/01/2025, 48/PB-VPCP, 136/VPCP-TH ngày 06/01/2025, 460/VPCP-ĐMDN, 477/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025); (20) **Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội: 01 văn bản** (VB số: 7/VPCP-TH ngày 01/01/2025); (21) **TP. Hồ Chí Minh: 04 văn bản** (các VB số: 7/TCTCCTTHC ngày 15/01/2025, 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025, 527/VPCP-V.I ngày 20/01/2025, 210/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (22) **TP. Hà Nội: 02 văn bản** (các VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 460/VPCP-ĐMDN ngày 16/01/2025); (23) **Bà Rịa - Vũng Tàu: 02 văn bản** (các VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025, 7/TCTCCTTHC ngày 15/01/2025); (24) **16 địa phương/16 văn bản: An Giang** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Bến Tre** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Bình Dương** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Cao Bằng** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Đồng Tháp** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Hải Dương** (VB số: 7/TCTCCTTHC ngày 15/01/2025), **Khánh Hòa** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Lai Châu** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Long An** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Nghệ An** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Phú Yên** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Quảng Ninh** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Quảng Trị** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Thanh Hóa** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Tiền Giang** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025), **Vĩnh Phúc** (VB số: 84/PB-VPCP ngày 08/01/2025).

<sup>7</sup> (1) **Bộ Tài nguyên và Môi trường** chậm gửi văn bản báo cáo kết quả xử lý sau thanh tra theo Kết luận số 7160/BTNMT-TTr ngày 28/12/2018 thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai của Công ty TNHH Ngân Thạnh tại Dự án Khu nhà ở phường Long Bình, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh (thời hạn trước ngày 01/9/2019) (VPCP đã có 03 lần đơn đốc tại các văn bản số: 1184/PB-VPCP ngày 26/5/2023, 2029/VPCP-V.I ngày 28/3/2024, 526/VPCP-V.I ngày 20/01/2025); chậm báo cáo về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Nam liên quan đến quyền sử dụng đất tại quận Tân Phú, bà Nguyễn Thị Mơ liên quan đến quyền sử dụng đất tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (thời hạn trước ngày 01/7/2024); (2) **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** chậm gửi hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm (thời hạn trước ngày 20/12/2024) (VPCP đã có 02 lần đơn đốc tại các văn bản số: 33/PB-VPCP ngày 03/01/2025, 391/VPCP-KTTH ngày 14/01/2025); (3) **Bộ Ngoại giao** chậm gửi hồ sơ dự thảo Thông báo Kết luận cuộc họp rà soát công tác chuẩn bị Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 4 Diễn đàn đối tác về tăng trưởng xanh và mục tiêu toàn cầu 2030 (P4G) (VPCP đã có 02 lần đơn đốc tại các văn bản số: 182/PB-VPCP ngày 17/01/2025, 224/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (4) **Bộ Tài chính** chậm gửi hồ sơ dự thảo Nghị định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước (thời hạn trước ngày



30/12/2024) (VPCP đã có 02 lần đôn đốc tại các văn bản số: 146/PB-VPCP ngày 14/01/2025, 643/VPCP-KTTH ngày 24/01/2025)

<sup>8</sup> **20 bộ, cơ quan, địa phương:** (1) **Công Thương: 11 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 17/PB-VPCP, 30/PB-VPCP ngày 03/01/2025, 40/PB-VPCP ngày 05/01/2025, 61/PB-VPCP, 67/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 95/PB-VPCP, 99/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 181/PB-VPCP ngày 17/01/2025, 186/PB-VPCP ngày 18/01/2025, 221/PB-VPCP ngày 21/01/2025, 276/PB-VPCP ngày 27/01/2025); (2) **Kế hoạch và Đầu tư: 07 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 44/PB-VPCP ngày 06/01/2025, 66/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 107/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 125/PB-VPCP ngày 12/01/2025, 139/PB-VPCP, 150/PB-VPCP ngày 14/01/2025, 208/PB-VPCP ngày 20/01/2025); (3) **Lao động - Thương binh và Xã hội: 06 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 21/PB-VPCP ngày 03/01/2025, 58/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 65/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 121/PB-VPCP ngày 11/01/2025, 145/PB-VPCP ngày 14/01/2025, 233/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (4) **Khoa học và Công nghệ: 04 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 31/PB-VPCP ngày 03/01/2025, 68/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 153/PB-VPCP ngày 15/01/2025, 223/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (5) **Giáo dục và Đào tạo: 03 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 37/PB-VPCP ngày 04/01/2025, 246/PB-VPCP ngày 22/01/2025, 265/PB-VPCP ngày 25/01/2025); (6) **Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 03 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 164/PB-VPCP ngày 16/01/2025, 213/PB-VPCP ngày 21/01/2025, 263/PB-VPCP ngày 24/01/2025); (7) **Xây dựng: 03 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 43/PB-VPCP ngày 06/01/2025, 74/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 272/PB-VPCP ngày 27/01/2025); (8) **Y tế: 02 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 22/PB-VPCP ngày 03/01/2025, 252/PB-VPCP ngày 23/01/2025); (9) **Công an: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 122/PB-VPCP ngày 12/01/2025); (10) **Giao thông vận tải: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 230/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (11) **Quốc phòng: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 183/PB-VPCP ngày 17/01/2025); (12) **Tài chính: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 62/PB-VPCP ngày 07/01/2025); (13) **Thông tin và Truyền thông: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 231/PB-VPCP ngày 21/01/2025); (14) **Ủy ban Dân tộc: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 140/PB-VPCP ngày 14/01/2025); (15) **Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 02 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 70/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 188/PB-VPCP ngày 20/01/2025); (16) **TP. Hồ Chí Minh: 02 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 98/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 238/PB-VPCP ngày 22/01/2025); (17) **04 địa phương/04 hồ sơ:** TP. Cần Thơ (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 36/PB-VPCP ngày 04/01/2025), Bắc Ninh (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 106/PB-VPCP ngày 09/01/2025), Đồng Tháp (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 18/PB-VPCP ngày 03/01/2025), Kiên Giang (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 114/PB-VPCP ngày 09/01/2025).

<sup>9</sup> **13 bộ, cơ quan, địa phương:** (1) **Công Thương: 05 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 77/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 78/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 177/PB-VPCP ngày 17/01/2025, 255/PB-VPCP ngày 24/01/2025, 295/PB-VPCP ngày 30/01/2025); (2) **Xây dựng: 03 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 75/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 110/PB-VPCP ngày 09/01/2025, 180/PB-VPCP ngày 17/01/2025); (3) **Kế hoạch và Đầu tư: 02 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 39/PB-VPCP ngày 05/01/2025, 254/PB-VPCP ngày 24/01/2025); (4) **Ngoại giao: 02 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 56/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 209/PB-VPCP ngày 20/01/2025); (5) **Y tế: 02 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 60/PB-VPCP ngày 07/01/2025, 118/PB-VPCP ngày 10/01/2025); (6) **Khoa học và Công nghệ: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 85/PB-VPCP ngày 08/01/2025); (7) **Tài chính: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 7/PB-VPCP ngày 03/01/2025); (8) **Thông tin và Truyền thông: 01 hồ sơ** (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 175/PB-VPCP ngày 16/01/2025); (9) **05 địa phương/05 hồ sơ:** TP. Hồ Chí Minh (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 75/PB-VPCP ngày 07/01/2025), TP. Cần Thơ (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 180/PB-VPCP ngày 17/01/2025), Điện Biên (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 283/PB-VPCP ngày 27/01/2025), Lạng Sơn (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 211/PB-VPCP ngày 21/01/2025), Phú Thọ (VB đề nghị bổ sung hồ sơ số: 79/PB-VPCP ngày 08/01/2025).

<sup>10</sup> Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV, do Bộ TNMT chủ trì xây dựng, trình.

<sup>11</sup> Không nêu 03 văn bản thuộc diện bí mật nhà nước, do Bộ Quốc phòng chủ trì xây dựng, trình.





## Phụ lục I

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO CÁC BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Báo cáo số : 847 /BC-VPCP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ)

(Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025)

STT	Cơ quan được giao	Tổng số văn bản giao nhiệm vụ	Tổng số nhiệm vụ giao	Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
				Đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Văn phòng Chính phủ	72	161	150	0	11	0
2	Bộ Quốc phòng	101	217	37	14	159	7
3	Bộ Công an	134	313	93	11	200	9
4	Bộ Ngoại giao	92	204	48	0	137	19
5	Bộ Nội vụ	135	298	223	8	66	1
6	Bộ Tư pháp	105	260	92	11	157	0
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	331	773	321	166	271	15
8	Bộ Tài chính	185	483	218	40	211	14
9	Bộ Công Thương	196	433	110	33	283	7
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	211	421	383	0	36	2
11	Bộ Giao thông vận tải	305	579	381	76	119	3
12	Bộ Xây dựng	120	276	171	0	105	0
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	345	597	153	63	379	2
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	123	312	113	23	172	4
15	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	113	281	105	16	157	3
16	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	95	204	124	17	59	4
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	95	225	60	17	148	0
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	164	330	243	33	51	3
19	Bộ Y tế	112	279	75	23	178	3
20	Ủy ban Dân tộc	93	217	133	15	67	2
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	96	217	184	0	33	0
22	Thanh tra Chính phủ	104	187	67	22	83	15
23	Đài Tiếng nói Việt Nam	5	5	0	0	3	2
24	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	12	13	10	0	3	0
25	Thông tấn xã Việt Nam	3	3	3	0	0	0
26	Đài Truyền hình Việt Nam	5	5	0	0	5	0
27	Viện Hàn Lâm Khoa học công nghệ Việt Nam	5	6	3	0	1	2
28	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	7	8	2	0	4	2



29	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	44	65	23	1	34	7
30	UBND Thành phố Hà Nội	102	264	214	6	44	0
31	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	114	264	198	30	33	3
32	UBND Thành phố Hải Phòng	92	227	172	0	55	0
33	UBND Thành phố Đà Nẵng	75	171	104	10	51	6
34	UBND Thành phố Cần Thơ	90	222	196	13	13	0
35	UBND Cao Bằng	84	216	195	4	17	0
36	UBND Lạng Sơn	85	216	202	0	13	1
37	UBND Lai Châu	81	211	61	1	146	3
38	UBND Điện Biên	83	225	91	2	123	9
39	UBND Hà Giang	78	204	89	11	102	2
40	UBND Sơn La	86	220	142	0	78	0
41	UBND Tuyên Quang	79	210	196	1	11	2
42	UBND Yên Bái	74	203	191	0	12	0
43	UBND Lào Cai	77	208	167	14	23	4
44	UBND Bắc Kạn	82	212	158	13	37	4
45	UBND Thái Nguyên	89	217	209	0	8	0
46	UBND Phú Thọ	83	212	146	0	61	5
47	UBND Vĩnh Phúc	78	207	92	7	92	16
48	UBND Bắc Giang	93	226	142	0	84	0
49	UBND Bắc Ninh	86	220	51	4	142	23
50	UBND Hòa Bình	81	202	120	0	82	0
51	UBND Quảng Ninh	85	222	217	5	0	0
52	UBND Hải Dương	89	222	42	3	168	9
53	UBND Hưng Yên	84	212	187	5	18	2
54	UBND Thái Bình	96	227	164	3	60	0
55	UBND Hà Nam	88	218	36	0	169	13
56	UBND Nam Định	86	221	126	1	91	3
57	UBND Ninh Bình	90	227	190	0	36	1
58	UBND Thanh Hóa	90	229	60	0	169	0
59	UBND Nghệ An	88	236	152	6	78	0
60	UBND Hà Tĩnh	85	224	47	0	166	11
61	UBND Quảng Bình	83	214	202	1	11	0
62	UBND Quảng Trị	82	206	200	0	6	0
63	UBND Thành phố Huế	85	220	70	5	127	18
64	UBND Quảng Nam	84	221	190	12	18	1
65	UBND Quảng Ngãi	87	221	184	0	35	2
66	UBND Bình Định	82	214	166	0	47	1
67	UBND Phú Yên	84	213	189	0	24	0
68	UBND Khánh Hòa	81	212	169	0	43	0
69	UBND Ninh Thuận	79	203	141	5	57	0
70	UBND Bình Thuận	83	218	177	14	24	3
71	UBND Gia Lai	74	200	108	1	90	1
72	UBND Kon Tum	72	194	147	1	45	1
73	UBND Đắk Lắk	80	211	192	2	17	0
74	UBND Đắk Nông	78	212	92	11	108	1
75	UBND Lâm Đồng	83	217	194	5	18	0
76	UBND Đồng Nai	108	257	186	8	61	2
77	UBND Bà Rịa - Vũng Tàu	90	225	208	4	11	2



78	UBND Long An	86	221	220	1	0	0
79	UBND Tây Ninh	81	216	194	6	16	0
80	UBND Bình Dương	85	219	190	12	17	0
81	UBND Bình Phước	83	217	201	0	16	0
82	UBND Tiền Giang	95	235	155	5	70	5
83	UBND Bến Tre	92	229	216	0	13	0
84	UBND Hậu Giang	86	223	207	1	15	0
85	UBND Sóc Trăng	91	228	149	4	75	0
86	UBND Đồng Tháp	90	219	185	0	34	0
87	UBND Vĩnh Long	88	230	218	1	11	0
88	UBND Trà Vinh	78	212	144	9	59	0
89	UBND An Giang	92	229	116	15	93	5
90	UBND Kiên Giang	99	238	104	26	102	6
91	UBND Bạc Liêu	80	202	135	15	48	4
92	UBND Cà Mau	84	221	184	3	33	1
93	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4	4	0	0	1	3
94	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	3	3	0	0	3	0
95	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	2	2	0	0	1	1
96	Đại học Quốc gia Hà Nội	5	5	0	0	5	0
97	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2	3	1	0	2	0
98	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	1	1	0	0	0	1
99	Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	4	4	0	0	1	3
100	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	2	3	0	0	2	1
101	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1	1	0	0	0	1
102	Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam	4	5	0	0	3	2
	<b>Tổng số</b>		<b>21230</b>	<b>13351</b>	<b>895</b>	<b>6676</b>	<b>308</b>

Thời điểm xuất báo cáo 03/02/2025 09:57:35





## Phụ lục II

**NHIỆM VỤ, CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO THÁNG 01/2025 CHƯA HOÀN THÀNH, CẦN ĐƠN ĐỐC, KHẨN TRƯỞNG THỰC HIỆN**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 847/BC-VPCP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ)

### I. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (07 nhiệm vụ, đề án)

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Khẩn trương triển khai Biên bản ghi nhớ đã ký giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Bộ Đầu tư UAE về đầu tư, đổi mới sáng tạo và trung tâm tài chính quốc tế trong khuôn khổ chuyển thăm chính thức UAE của TTgCP từ ngày 28-29/10/2024; báo cáo TTgCP kết quả thực hiện	Văn bản số: 9532/VPCP-QHQT ngày 25/12/2024	Trước 15/01/2025	QHQT	Chưa trình
2	Hoàn thiện hồ sơ, tờ trình dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025; trình TTgCP	Văn bản số: 9579/VPCP-ĐMDN ngày 26/12/2024	Trước 10/01/2025	ĐMDN	Chưa trình lại
3	Rà soát hồ sơ điều chỉnh Đề xuất Dự án “Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản; trình TTgCP xem xét, phê duyệt	Văn bản số: 433/VPCP-QHQT ngày 15/01/2025	Trước 22/01/2025	QHQT	Chưa trình (UBND tỉnh Hà Giang chưa báo cáo lại để Bộ có cơ sở trình TTgCP)
4	Nghiên cứu, làm rõ cơ sở pháp lý, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và đề xuất phương án xử lý đối với kiến nghị của UBND tỉnh Thanh Hóa tại tờ trình số 301/TTr-UBND ngày 31/12/2024 về Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 301/VPCP-CN ngày 10/01/2025	Trước 20/01/2025	CN	Chưa báo cáo
5	Hoàn thiện hồ sơ Đề xuất Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc tỉnh Hà Giang, dự kiến vay vốn Ngân hàng Phát triển châu Á; trình TTgCP	Văn bản số: 498/VPCP-QHQT ngày 17/01/2025	Trước 22/01/2025	QHQT	Chưa báo cáo



6	Hoàn thiện hồ sơ Đề xuất Dự án Tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn ga Hà Nội - Hoàng Mai, dự kiến sử dụng vốn vay ADB, AFD, KfW theo đúng quy định Luật Đầu tư công năm 2024; trình TTgCP xem xét, phê duyệt	Văn bản số: 436/VPCP-QHQT ngày 15/01/2025	Trước 22/01/2025	QHQT	Chưa báo cáo
7	Có ý kiến về khả năng cân đối vốn viện trợ đối với Dự án công viên Hữu nghị Lào - Việt Nam tại thủ đô Viêng Chăn, Lào; có báo cáo thẩm định đối với đề xuất của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để thực hiện công trình; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 521/VPCP-QHQT ngày 20/01/2025	Trước 23/01/2025	QHQT	Bộ đang lấy ý kiến phía Lào về Dự án trước khi có ý kiến

## II. Bộ Tài chính (04 nhiệm vụ, đề án)

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Báo cáo Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030	Chỉ thị số: 25/CT-TTg ngày 08/08/2024	Trước 15/01/2025	KTTH	Chưa trình
2	Khẩn trương rà soát hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo hình thức rút gọn (Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP); trình Chính phủ	Văn bản số: 560/TB-VPCP ngày 18/12/2024	Tháng 01/2025	ĐMDN	Chưa trình lại
3	Khẩn trương hoàn thiện dự thảo Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035; trình TTgCP	Văn bản số: 232/VPCP-KTTH ngày 08/01/2025	Trước 17/01/2025	KTTH	Chưa trình
4	Xem xét, xử lý kiến nghị của Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh Vinfast tại VB số 428/2024/VF-CV ngày 31/12/2024 kiến nghị chính sách miễn, giảm lệ phí trước bạ để thúc đẩy chuyển đổi xanh	Văn bản số: 459/VPCP-KTTH ngày 16/01/2025	Tháng 01/2025	KTTH	Chưa trình



**III. Bộ Giao thông vận tải (03 nhiệm vụ, đề án)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Xây dựng dự thảo Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 1313/NQ-UBTVQH15 ngày 25/9/2024 của UBTVQH giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023	Văn bản số: 9258/VPCP-CN ngày 17/12/2024	Trước 31/01/2025	CN	Chưa thực hiện
2	Chỉ đạo các Ban quản lý dự án và các nhà thầu thực hiện kiến nghị của UBND tỉnh Đồng Tháp tại văn bản số 478/UBND-ĐTQH ngày 19/12/2024 về hoạt động tại các mỏ cát cung ứng cho cao tốc Cần Thơ - Hậu Giang - Cà Mau; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 55/VPCP-CN ngày 03/01/2025	Trước 15/01/2025	CN	Chưa báo cáo
3	Chủ trì rà soát xử lý theo đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 10463/BKHĐT-QLĐT ngày 19/12/2024 về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án BOT giao thông có hợp đồng được ký kết trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành; báo cáo, kiến nghị Chính phủ	Văn bản số: 304/VPCP-CN ngày 10/01/2025	Trước 25/01/2025	CN	Chưa báo cáo

**IV. Bộ Công Thương (02 nhiệm vụ, đề án)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Về việc Việt Nam giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng CPTPP năm 2026, Bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các nước Thành viên CPTPP báo cáo rõ chương trình, nội dung các hoạt động Việt Nam cần chuẩn bị và triển khai cho vị trí Chủ tịch Hội đồng CPTPP năm 2026; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 9713/VPCP-QHQT ngày 31/12/2024	Tháng 01/2025	QHQT	Chưa báo cáo



2	Khẩn trương làm việc với Nhà đầu tư Dự án BOT Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2, trên cơ sở Hợp đồng BOT đã ký kết, các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn của Luật đầu tư quốc tế xem xét, xử lý theo thẩm quyền và quy định pháp luật; không làm phát sinh các vấn đề pháp lý cho Nhà nước ta và không ảnh hưởng đến tổng thể quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Malaysia; báo cáo TTgCP kết quả thực hiện	Văn bản số: 221/VPCP-CN ngày 08/01/2025	Trước 15/01/2025	CN	Chưa báo cáo
---	--	---	---------------------	----	--------------

#### V. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 nhiệm vụ, đề án)

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Hoàn thiện Đề án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng hỗ trợ các địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên, giai đoạn 2024 - 2030; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 9492/VPCP-NN ngày 24/12/2024	Trước 31/01/2025	NN	Bộ chưa trình
2	Hoàn thiện hồ sơ, trình Chính phủ dự thảo Nghị định chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại	Văn bản số: 9715/VPCP-NN ngày 31/12/2024	Trước 10/01/2025	NN	Bộ chưa trình. (Tại VB số 5488/VPCP-NN ngày 01/08/2024, LĐCP yêu cầu trình 8/2024)



**VI. Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (02 nhiệm vụ, đề án)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Hoàn thiện tờ trình về việc bàn giao các sân phân phối 500 kV Vũng Áng, Long Phú và Sông Hậu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo đúng chỉ đạo của LĐCP tại VB số 143/TB-VPCP ngày 15/5/2022; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 110/VPCP-ĐMDN ngày 05/01/2025	Trước 15/01/2024	ĐMDN	Chưa báo cáo
2	Xây dựng kế hoạch dự kiến đầu tư mở rộng Cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau, trong đó báo cáo rõ các dự án dự kiến thực hiện, cơ quan chủ trì, nguồn vốn, chi phí thực hiện, thời gian triển khai, cấp thẩm quyền quyết định; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 260/VPCP-CN ngày 09/01/2025	Trước 25/01/2024	CN	Chưa trình lại

**VII. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (01 nhiệm vụ)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Khẩn trương hoàn thiện dự thảo Chỉ thị của TTgCP về phát triển công nghiệp giải trí; trình TTgCP	Văn bản số: 06/TB-VPCP ngày 06/01/2025	Trước 15/01/2024	KGVX	Chưa trình



**VIII. Thanh tra Chính phủ (02 nhiệm vụ)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra số 2819/KL-TTCP ngày 10/11/2017 của Thanh tra Chính phủ về việc chấp hành chính sách, pháp luật tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 7704/VPCP-V.I ngày 21/10/2024	Trước 31/01/2025	V.I	Chưa báo cáo
2	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 404/VPCP-V.I ngày 14/01/2025	Trước 20/01/2025	V.I	Chưa báo cáo

**IX. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (01 nhiệm vụ)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Khẩn trương nghiên cứu, xác định các khó khăn, vướng mắc, thẩm quyền quyết định và đề xuất, kiến nghị giải pháp cụ thể để giải quyết dứt điểm việc công nhận liệt sĩ cho 05 trường hợp thương binh nặng từ trần (theo đề nghị của Trung tâm Điều dưỡng thương binh Thuận Thành) và các trường hợp tương tự trên cả nước; báo cáo TTgCP	Văn bản số: 9739/VPCP-KGVX ngày 31/12/2024	Trước 05/01/2025	KGVX	Chưa báo cáo. VPCP đã đôn đốc (VB số 176/PB-VPCP ngày 17/01/2025)



**X. Bộ Tư pháp (01 đề án)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; trình Chính phủ	Văn bản số: 9296/VPCP-KSTT ngày 18/12/2024	Trước 15/01/2024	KSTT	Chưa trình

**XI. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (01 nhiệm vụ)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, xử lý đề nghị của Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam (SDV) tại văn bản số 20250107-4924/COM-SDV ngày 07/01/2025 về Dự án đầu tư mở rộng IT/Auto OLED của SDV; báo cáo TTgCP kết quả thực hiện	Văn bản số: 423/VPCP-QHQT ngày 15/01/2025	Trước 24/01/2025	QHQT	Chưa báo cáo

**XII. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (01 nhiệm vụ)**

STT	Nội dung nhiệm vụ, công việc	Văn bản giao nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Vụ, Cục thuộc VPCP theo dõi	Tiến độ thực hiện
1	Chỉ đạo các cơ quan khẩn trương xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến việc chuyển giao Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án theo đúng thẩm quyền và quy định; chịu trách nhiệm về việc chậm trễ và lãng phí nguồn lực liên quan (nếu có); báo cáo TTgCP kết quả thực hiện	Văn bản số: 9441/VPCP-CN ngày 23/12/2024	Tháng 01/2025	CN	Chưa báo cáo



**Phụ lục III**  
**DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI**  
**CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/02/2025 TRỞ VỀ TRƯỚC CHƯA BAN HÀNH**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 847/BC-VPCP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ)*

TÊN LUẬT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN	Thời hạn trình	Tình trạng
1. Luật Phòng thủ dân sự	01/7/2024	Bộ Quốc phòng	1. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự (Khoản 3 Điều 6, khoản 5 Điều 13, khoản 2 Điều 20, khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 30, khoản 5 Điều 34, khoản 4 Điều 35, khoản 4 Điều 40, khoản 4 Điều 41)	Trước 15/4/2024	Đã trình
2. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)	01/7/2024	Bộ Công Thương	2. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022) (Khoản 1 Điều 11)	Trước 15/4/2024	Đã trình
3. Luật Giao dịch điện tử	01/7/2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	3. Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy (Khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 5 Điều 33, khoản 7 Điều 53)	Trước 15/4/2024	Đã trình
			4. Nghị định quy định về cơ sở dữ liệu dùng chung (Điểm đ khoản 3 Điều 40, khoản 6 Điều 42, khoản 7 Điều 43, khoản 5 Điều 44)	Trước 15/4/2024	Đã trình
4. Luật Viễn thông	01/7/2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	5. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” (Khoản 4 Điều 48; khoản 10 Điều 50)	Trước 15/4/2024	Đã trình
			6. Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích (Khoản 2 Điều 32)	Trước 15/4/2024	Đã trình



5. Luật Các tổ chức tín dụng	01/7/2024	NHNN	7. Nghị định quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Khoản 2 Điều 106)		Đã trình
		Bộ Tài chính	8. Nghị định quy định về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước (Khoản 1 Điều 148, khoản 4 Điều 145, khoản 3 Điều 151)	Tháng 5/2024	Đã trình
6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam	01/12/2024	Bộ Quốc phòng	9. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng (Khoản 1 Điều 46)	12/2024, (ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
			10. Nghị định quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn (Khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 18)	12/2024, (ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
			11. Nghị định của Chính phủ quy định chức vụ, chức danh của sĩ quan Công an nhân dân có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng, Thiếu tướng (khoản 2 Điều 25 Luật Công an nhân dân (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam)	12/2024, (ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
7. Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự	01/01/2025	Bộ Quốc phòng	12. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (quy định chi tiết nội dung tại Điều 12; các khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8 và các điểm a, b, c khoản 9 Điều 18; Điều 25, 26 của Luật)	Trước 15/10/2024	Đã trình
	01/01/2025	Bộ Quốc phòng	13. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ Căn cứ quân sự Cam Ranh (khoản 10 Điều 18)	Trước 15/10/2024	Đã trình



8. Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu	NQ có hiệu lực 01/01/2024 (Nội dung có hiệu lực 01/01/2025)	Bộ Tài chính	14. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (khoản 2 Điều 2, khoản 10 Điều 4, khoản 13 Điều 5)	31/10/2024	Đã trình
9. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Sửa đổi)	(Luật có hiệu lực 01/7/2023, nội dung giao QĐCT 01/01/2025)	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch	15. Nghị định quy định cơ sở dữ liệu về phòng chống bạo lực gia đình	Trước 15/10/2024	Đã trình
10. Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An	01/01/2025	Bộ Tài chính	16. Nghị định quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An (Điểm e khoản 4 Điều 4)	Trước 15/10/2024	Đã trình
11. Luật Thủ đô (sửa đổi)	01/01/2025	Bộ Giáo dục và Đào tạo	17. Nghị định quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp (khoản 3 Điều 22)	Trước 15/10/2024	Đang soạn thảo
12. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý	01/01/2025	Bộ Tài chính	18. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (Điểm a khoản 3 Điều 1 Luật 2024, khoản 2 Điều 11; khoản 6 Điều 1 Luật 2024, khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 9 Điều 1 Luật 2024, khoản 6 Điều 31 Luật Chứng khoán 2019 (nội dung quy định liên quan đến chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán); điểm a khoản 20 Điều 1 Luật 2024, trong đó bãi bỏ khoản 4, khoản 5 Điều 135, khoản 7 Điều 135 Luật Chứng khoán 2019; sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số	Tháng 12/2024 (Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đang soạn thảo



<b>thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính</b>			155/2020/NĐ-CP để đồng bộ với bổ sung cụm từ “và công ty con” tại điểm b khoản 20 Điều 1 Luật 2024).		
	01/01/2025	Bộ Tài chính	19. Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập (Khoản 7 Điều 3)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/01/2025	Bộ Tài chính	20. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập (Điểm a khoản 4 Điều 3)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/01/2025		21. Nghị định quy định về sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng; quyết định chi viện trợ và đơn vị được giao dự toán cho các đơn vị được quy định về phân cấp vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao nhiệm vụ (điểm b khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 4); hướng dẫn về trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư trung hạn (Điểm a khoản 1 Điều 4)	Tháng 12/2024	Đã trình
	01/01/2025		22. Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (Khoản 2 Điều 4)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đang soạn thảo
	01/01/2025	BTC	23. Nghị định hướng dẫn về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam (Khoản 8 Điều 4)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đang soạn thảo



	01/01/2025	BTC	24. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Khoản 5 Điều 5)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/01/2025	BTC	25. Nghị định quy định thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Khoản 18 và khoản 19 Điều 5)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/01/2025	BTC	26. Nghị định quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công là nhà đất (Khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/01/2025	BTC	27. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 166/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài (Khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/01/2025	BTC	28. Nghị định quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh (Khoản 9 Điều 6)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
<b>13. Luật Đầu tư công (sửa đổi)</b>	01/01/2025	BKHĐT	29. Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Khoản 6 Điều 5, khoản 7 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 12 Điều 18, khoản 1 Điều 32, khoản 4 Điều 37, khoản 7 Điều 38, khoản 5 Điều 43, khoản 6 Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 5 Điều 57, khoản 10 Điều 59, khoản 9 Điều 60, khoản 5 Điều 62, khoản 2 Điều 69, khoản 4 Điều 70, khoản 9 Điều 71, khoản 4 Điều 83, khoản 4 Điều 101)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình



	01/01/2025	BKHĐT	30. Nghị định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài (Khoản 4 Điều 37, khoản 6 Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 63, khoản 5 Điều 63, khoản 6 Điều 64, khoản 8 Điều 64, khoản 5 Điều 65, khoản 3 Điều 66, khoản 3 Điều 67, khoản 4 Điều 83)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đang soạn thảo
<b>14. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu</b>	15/01/2025	BKHĐT	31. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Điều 6, Điều 11, Điều 28, Điều 42, Điều 52, Điều 101 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư)	Trước 15/01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	15/01/2025	BKHĐT	32. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu (Khoản 5 Điều 3, khoản 6 Điều 6, khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 34a, khoản 2 Điều 39, khoản 8 Điều 43, khoản 5 Điều 50, khoản 7 Điều 53, khoản 2 Điều 84, khoản 4 Điều 88 của Luật Đấu thầu)	Trước 15/01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	15/01/2025	BKHĐT	33. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ (các Điều: 6, 9, 15, 16, 17, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 30, 40, 41, 45, 49 và 54a Luật Quy hoạch)	Trước 15/01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	15/01/2025	BKHĐT	34. Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (Khoản 2 Điều 18a Luật Đầu tư)	Trước 15/01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	15/01/2025	BKHĐT	35. Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt (Khoản 12 Điều 36a Luật Đầu tư)	Trước 15/01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình



<b>15. Luật Điện lực (sửa đổi)</b>	01/02/2025	BCT	36. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực (Khoản 3 Điều 8, khoản 6 và khoản 8 Điều 5, khoản 6 Điều 10, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 12, khoản 4 Điều 12, khoản 4 Điều 13, khoản 4 Điều 14, khoản 3 Điều 17, khoản 5 Điều 17, khoản 1 Điều 19, khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 81)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/02/2025	BCT	37. Nghị định quy định chi tiết một số điều về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới (Khoản 4 Điều 13, khoản 8 Điều 20, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, Điểm c khoản 2 Điều 25, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27, khoản 5 Điều 27, khoản 4 Điều 28, khoản 4 Điều 29)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/02/2025	BCT	38. Nghị định quy định quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực (Khoản 4 Điều 31, khoản 5 Điều 32, khoản 4 Điều 33, khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 2 Điều 37, khoản 5 Điều 37)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/02/2025	BCT	39. Nghị định quy định chi tiết một số điều liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện (Khoản 6 Điều 44, khoản 7 Điều 48, khoản 5 Điều 53)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/02/2025	BCT	40. Nghị định quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn (Khoản 3 Điều 47)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/02/2025	BCT	41. Nghị định quy định về cơ chế, thời gian điều chỉnh, căn cứ lập và điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân (Điểm a khoản 3 Điều 50, điểm c khoản 2 Điều 52)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình



	01/02/2025	BCT	42. Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực (Khoản 5 Điều 67, điểm d khoản 3, khoản 10 Điều 68, khoản 9 Điều 69, khoản 2 Điều 72, khoản 3 Điều 74, khoản 7 Điều 75, khoản 6 Điều 76, khoản 5 Điều 77, khoản 8 Điều 78)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/02/2025	BCT	43. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, cơ chế giá điện phù hợp cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; cơ chế hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; Quy định về giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia (Điểm b và điểm c khoản 3 Điều 50)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
	01/02/2025	BCT	44. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân (Điểm b khoản 3 Điều 50)	Tháng 01/2025 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã trình
<b>16. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế</b>	01/01/2025	BYT	45. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu (Khoản 16 Điều 1 sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 21 Luật Bảo hiểm y tế đối với các đối tượng thuộc điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 12; khoản 17 Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 22 Luật Bảo hiểm y tế đối với các đối tượng thuộc điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 12; khoản 25 Điều 1 sửa đổi các điểm b và điểm c khoản 4 Điều 31 Luật Bảo hiểm y tế)	Tháng 12/2024 (theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đã thẩm định
<b>Tổng số 16 Luật, Nghị quyết</b>			<b>Tổng số: 45 văn bản</b>		



**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI**  
**CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/4/2025 VÀ TRONG THỜI GIAN TỚI**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 84/BC-VPCP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ)*

TÊN LUẬT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN	Thời hạn trình	Tình trạng
1. Luật Thủ đô (sửa đổi)	01/07/2025	BXD	1. Nghị định quy định về quản lý, sử dụng không gian ngầm (Khoản 2 Điều 19)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BKHCN	2. Nghị định quy định về thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ (khoản 4 Điều 23)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
2. Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp	01/07/2025	BQP	3. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (Khoản 3 Điều 30, khoản 5 Điều 42, khoản 4 Điều 43, khoản 4 Điều 45, khoản 5 Điều 74)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BQP	4. Nghị định quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh (Điểm h khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 61, điểm c khoản 3 Điều 65, Điều 68, khoản 1 và khoản 2 Điều 69) – Mật	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BQP	5. Nghị định quy định chi tiết một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt (Điểm a, b, c, e và g khoản 1, điểm a và điểm d khoản 2 Điều 61, khoản 1, khoản 2 và các điểm a, b và d khoản 3 Điều 65, khoản 5 Điều 66)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BQP	6. Nghị định quy định chi tiết một số điều về quản lý nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh (Khoản 6 Điều 21, khoản 4 Điều 22, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 61, điểm c khoản 2 Điều 61) – Mật	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo



	01/07/2025	BQP	7. Nghị định quy định về quản lý, sử dụng ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp; chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp (Khoản 4 Điều 58, khoản 5 Điều 67) – Mật	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BQP	8. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí đối với chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh (Khoản 4 Điều 66)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BQP	9. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí và ban hành danh mục nhóm sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược (Khoản 4 Điều 78) – Mật	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BCA	10. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí và ban hành danh mục nhóm sản phẩm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt (Khoản 4 Điều 79) – Mật	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
<b>3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế</b>	01/07/2025	Bộ Y tế	11. Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm y tế (Khoản 15, 20, 24, 25, 27, 33 và 34 Điều 1)	12/2024 (Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đang soạn thảo
<b>4. Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)</b>	01/07/2025	BLĐTBXH	12. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc (Điểm m khoản 1, điểm e khoản 5 và khoản 7 Điều 2, điểm c khoản 12 Điều 3, khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 23, khoản 4 Điều 25, khoản 5 Điều 28, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 31, khoản 5 Điều 33, khoản 3 Điều 37, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 64, khoản 5 Điều 66, khoản 7 Điều 70, khoản 4 Điều 72, khoản 2 Điều 73, khoản 7 Điều 75, khoản 5 Điều 89, khoản 4 Điều 90, khoản 2 Điều 111, khoản 15 Điều 141)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BLĐTBXH	13. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện (Khoản 7 Điều 2, khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 23, khoản 4 Điều 25, khoản 5 Điều 28, khoản 1 và khoản 4 Điều 36, khoản 6 Điều 102, khoản 2 Điều 104, khoản 2 Điều 111)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo



01/07/2025	BLĐTBXH	14. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) (Khoản 1 và khoản 4 Điều 21, khoản 1 và khoản 4 Điều 22)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo
01/07/2025	BLĐTBXH	15. Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Khoản 2 Điều 16)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo
01/07/2025	BLĐTBXH	16. Nghị định quy định trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội (Khoản 4 Điều 19)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo
01/07/2025	BLĐTBXH	17. Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 30)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo
01/07/2025	BLĐTBXH	18. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội và quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội (Khoản 4 Điều 35, khoản 1 và khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 40, khoản 4 Điều 41, khoản 7 Điều 130, khoản 5 Điều 131)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo
01/07/2025	BTC	19. Nghị định quy định về hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội (Khoản 4 Điều 122, khoản 3 Điều 123, khoản 5 Điều 137)	Trước 01/5/2025	Đang soạn thảo
01/07/2025	BTC	20. Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội (Khoản 5 Điều 120, khoản 1 Điều 137)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo
01/07/2025	BTC	21. Nghị định quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung (Khoản 3 Điều 127)	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo
01/07/2025	BQP	22. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (Khoản 2 Điều 16, khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 28, khoản 3 Điều 30, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 31, khoản 5 Điều 33, khoản 4 Điều 35, khoản 3 Điều 37, khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 43, khoản 3 Điều	Trước 01/3/2025	Đang soạn thảo



			64, khoản 2 và khoản 5 Điều 66, khoản 7 Điều 70, khoản 4 Điều 72, khoản 5 Điều 89, khoản 5 Điều 120, khoản 7 Điều 130, khoản 5 Điều 131, khoản 7 và khoản 15 Điều 141)		
<b>5. Luật Lưu trữ (sửa đổi)</b>	01/07/2025	BNV	23. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ (Khoản 5 Điều 11, khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22, khoản 4 Điều 25, khoản 6 Điều 53)	Trước 01/5/2025	Đã thẩm định
<b>6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính</b>	01/04/2025	BTC	24. Nghị định quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Điểm b khoản 5 Điều 6)	Tháng 03/2025 (Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, có hiệu lực từ 01/4/2025)	Đang soạn thảo
	01/01/2026	BTC	25. Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (thay thế các Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP) (Khoản 3 và khoản 9 Điều 1, khoản 2 Điều 10)	Tháng 10/2025 (Có hiệu lực từ 01/01/2026)	Đang soạn thảo
<b>7. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu</b>	15/01/2025	BTC	26. Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT (thay thế Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021) (Khoản 21 Điều 3)	Trước 15/4/2024 ( <i>nội dung này có hiệu lực từ 01/7/2025</i> )	Đang soạn thảo
		BKHĐT	27. Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư về thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT (Điều 11, Điều 42, điểm a và điểm b khoản 2a Điều 45 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư)	05/2025 ( <i>nội dung này có hiệu lực từ 01/7/2025</i> )	Đang soạn thảo
<b>8. Luật Công chứng (sửa đổi)</b>	01/07/2025	BTP	28. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng (Khoản 5 Điều 11, khoản 2 Điều 13, khoản 4 Điều 15, khoản 3 Điều 16, khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 19, điểm b khoản 2, khoản 6 Điều 20, khoản 3 Điều 22, khoản 1, khoản	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo



			5 Điều 23, khoản 3, khoản 4 Điều 24, khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 29, khoản 6 Điều 30, khoản 6 Điều 31, khoản 5 Điều 34, khoản 3 Điều 39, khoản 5 Điều 41, điểm d khoản 2 Điều 46, khoản 1 Điều 50, khoản 3 Điều 51, khoản 4 Điều 52, khoản 4 Điều 59, khoản 3 Điều 61, khoản 2 Điều 62, khoản 3 Điều 65, khoản 2, khoản 6 Điều 66, khoản 6 Điều 68)		
<b>9. Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)</b>	01/07/2025	BVHTTDL	29. Nghị định quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục của quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể (Khoản 5 Điều 17)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BVHTTDL	30. Nghị định quy định về chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hoá phi vật thể (Khoản 3 Điều 14)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BVHTTDL	31. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Di sản văn hóa (Điểm d khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 13, khoản 7 Điều 25 (trừ nội dung quy định chi tiết về Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam tại khoản 6 Điều 25 sẽ được quy định tại Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam); khoản 11 Điều 27, khoản 5 Điều 37, khoản 8 Điều 39 (trừ nội dung quy định chi tiết về quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước tại khoản 4 Điều 39 sẽ được quy định tại Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước); khoản 5 Điều 41, khoản 4 Điều 43, khoản 4 Điều 44, khoản 5 Điều 45, khoản 7 Điều 50, khoản 7 Điều 51, khoản 8 Điều 52, khoản 4 Điều 56, khoản 6 Điều 60, khoản 5 Điều 61, khoản 10 Điều 63, khoản 4 Điều 67, khoản 5 Điều 69, khoản 2 Điều 83, khoản 7 Điều 85, khoản 6 Điều 89, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BVHTTDL	32. Nghị định quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo



			bảo tàng công lập (Khoản 6 Điều 29, khoản 5 Điều 30, khoản 5 Điều 34, khoản 4 Điều 35, khoản 2 Điều 70)		
	01/07/2025	BVHTTDL	33. Nghị định quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ đủ điều kiện kinh doanh bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh di vật, cổ vật; chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật (Khoản 2 Điều 78, khoản 2 Điều 79, khoản 2 Điều 80)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BVHTTDL	34. Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam (Khoản 6 Điều 25)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BVHTTDL	35. Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước (Khoản 4 Điều 39)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
<b>10. Luật Dữ liệu</b>	01/07/2025	BCA	36. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu (Khoản 3 Điều 13, khoản 5 Điều 14, khoản 5 Điều 15, khoản 3 Điều 16, khoản 4 Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22, khoản 4 Điều 23, khoản 5 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27, khoản 3 Điều 30, khoản 8 Điều 31, khoản 5 Điều 35, khoản 4 Điều 36, khoản 3 Điều 37)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BCA	37. Nghị định của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu (Khoản 4 Điều 24, khoản 5 Điều 39, khoản 3 Điều 40, khoản 3 Điều 41, khoản 4 Điều 42, khoản 5 Điều 43)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BCA	38. Nghị định của Chính phủ quy định về quỹ phát triển dữ liệu quốc gia (khoản 4 Điều 29)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BCA	39. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi (khoản 6 và khoản 7 Điều 3)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
<b>11. Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ</b>	01/07/2025	BCA	40. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 2; Điều 7, khoản 10 Điều 8, khoản 6 Điều 10, khoản 4 Điều 11, khoản 5 Điều 15 khoản 4 Điều	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo



			17, khoản 6 Điều 18, khoản 5 Điều 20, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 6 Điều 26, khoản 4 Điều 27, khoản 6 Điều 35, khoản 4 Điều 37, khoản 5 Điều 39, khoản 3 Điều 44, khoản 5 Điều 45, khoản 4 Điều 46, khoản 3 Điều 48, khoản 3 điều 49, khoản 7 Điều 50 khoản 5 Điều 52, khoản 4, điểm đ khoản 6 Điều 55)		
<b>12. Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi)</b>	01/07/2025	BLĐTBXH	41. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) (Khoản 3 Điều 22, khoản 6 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 7 Điều 31, khoản 6 Điều 35, khoản 5 Điều 37, khoản 7 Điều 46, khoản 4 Điều 47, khoản 3 Điều 56)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
<b>13. Luật Phòng không nhân dân</b>	01/07/2025	BQP	42. Nghị định quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ban chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp; phạm vi và độ cao chương ngại vật phòng không của trận địa phòng không; chế độ chính sách đối với người được huy động tham gia hoạt động phòng không nhân dân (Khoản 4 Điều 9, khoản 6 Điều 38 và Điều 44)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BQP	43. Nghị định quy định về quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 28; khoản 1, khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 29; Điều 30; khoản 1, các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 31, Điều 32, Điều 33, khoản 4 Điều 34 và Điều 35)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
<b>14. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn</b>	01/07/2025	BXD	44. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (Khoản 5, khoản 6 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 8, khoản 4 Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 3 Điều 16, khoản 3 Điều 18, khoản 5 Điều 19, khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 49, khoản 3 Điều 54, khoản 8 Điều 59)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BXD	45. Nghị định quy định chi tiết về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước tại đô thị và nông thôn (Khoản 2 Điều 53)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
	01/07/2025	BXD	46. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ mà do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập (Khoản 2 Điều 48)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo



<b>15. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Dược</b>	01/07/2025	BYT	47. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược (Khoản 4, khoản 5, khoản 9, điểm a khoản 18, điểm c khoản 18, điểm d khoản 32, điểm đ khoản 32, khoản 33, khoản 39, khoản 43 Điều 1)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
<b>16. Luật Địa chất và khoáng sản</b>	01/07/2025	BTNMT	48. Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 5 Điều 12, khoản 4 Điều 22, khoản 4 Điều 23, khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 10 Điều 33, khoản 5 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 40, khoản 3 Điều 42, khoản 4 Điều 43, khoản 5 Điều 44, khoản 2 Điều 45, khoản 4 Điều 46, điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 47, khoản 3 Điều 48, khoản 5 Điều 49, khoản 2 và khoản 5 Điều 50, khoản 3 Điều 51, khoản 5 Điều 52, khoản 4 Điều 53, khoản 5 Điều 54, khoản 3 Điều 55, khoản 2 Điều 57, khoản 4 Điều 58, khoản 3 Điều 59, khoản 9 Điều 60, khoản 5 Điều 61, khoản 6 Điều 62, khoản 5 Điều 64; khoản 3 Điều 65, khoản 6 Điều 66, khoản 3 Điều 67, khoản 2 Điều 69, khoản 5 Điều 70, khoản 5 Điều 71, khoản 6 Điều 75, khoản 3 Điều 78, khoản 7 Điều 83, khoản 4 Điều 84, khoản 4 Điều 86, khoản 5 Điều 87, khoản 3 Điều 88, khoản 5 Điều 89, khoản 4 Điều 90, khoản 3 Điều 92, khoản 5 Điều 92, khoản 7 Điều 94, khoản 4 Điều 96, khoản 4 Điều 97, khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, khoản 3 Điều 101, khoản 5 Điều 102, khoản 3 Điều 103, khoản 5 Điều 105, khoản 5 Điều 106, khoản 4 Điều 108, điểm c khoản 2 Điều 111).	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
<b>17. Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)</b>	01/07/2025	BTC	49. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (Khoản 6 Điều 4, khoản 23 Điều 5, khoản 28 Điều 5, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 6 Điều 9, khoản 3 Điều 11, khoản 4 Điều 12, khoản 4 Điều 14, khoản 11 Điều 15)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
<b>18. Luật Công đoàn (sửa đổi)</b>	01/07/2025	BTC	50. Nghị định quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp (khoản 6 Điều 31); quy định về tài chính công đoàn, kinh phí công đoàn, ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ và miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn (Khoản 2 Điều 29, khoản 4 Điều 30)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo



	01/07/2025	BLĐTBXH	51. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Khoản 2 Điều 36)	Trước 15/4/2025	Đang soạn thảo
19. Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	01/04/2025	BTNMT	52. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất (Khoản 2 Điều 5)	Tháng 03/2025 (Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đang soạn thảo
20. Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa	01/04/2025	BTNMT	53. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa (Khoản 1 Điều 9)	Tháng 03/2025 (Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn)	Đang soạn thảo
21. Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng	01/07/2026	BNV	54. Nghị định quy định chi tiết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng (Điểm b khoản 1 Điều 8)	Quý III/2025 (có hiệu lực từ 01/7/2026)	Đang soạn thảo
<b>Tổng số 21 Luật, Nghị quyết</b>			<b>Tổng số: 54 văn bản</b>		